

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU, PHỔ BIẾN LUẬT DÂN SỐ**  
*(Tài liệu dành cho Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh  
và Tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên)*

Luật Dân số được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10/12/2025 (Luật số 113/2025/QH15). Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026 thay thế Pháp lệnh Dân số số 06/2003/PL-UBTVQH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 07/2025/UBTVQH15. Theo đó, Luật Dân số được ban hành với những nội dung cơ bản như sau:

**PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT DÂN SỐ**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

**a) Cơ sở chính trị**

Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của phát triển bền vững, việc xây dựng Luật Dân số nhằm thể chế hóa quan điểm của Đảng về công tác dân số tại: Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 21-NQ/TW); Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 42-NQ/TW); Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là Kết luận số 149-KL/TW) và Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị “Về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân”.

**b) Cơ sở pháp lý**

Việc xây dựng Luật Dân số căn cứ vào cơ sở pháp lý sau: Khoản 2 Điều 14 và khoản 2 Điều 58 Hiến pháp năm 2013; Nghị quyết số 77/2025/UBTVQH15 ngày 21/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Điều chỉnh chương trình lập pháp năm 2025; Nghị quyết số 158/NQ-CP ngày 03/6/2025 của Chính phủ về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 5 năm 2025; Nghị quyết số 283/NQ-CP ngày 16/9/2025 của Chính phủ về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2025.

**2. Cơ sở thực tiễn**

### **2.1. Kết quả đạt được**

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sự vào cuộc, tích cực tham gia, phối hợp, nỗ lực triển khai công tác dân số của các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân, các tổ chức quốc tế, công tác dân số nước ta trong những năm qua đã đạt được những kết quả quan trọng. Chính sách, pháp luật về dân số từng bước được hoàn thiện.

Theo báo cáo của Bộ Y tế, từ năm 2006 đến năm 2021, nước ta đã đạt và duy trì mức sinh thay thế; duy trì mức độ gia tăng dân số phù hợp; quy mô dân số năm 2024 đạt hơn 101 triệu người. Việt Nam đang ở thời kỳ dân số vàng, tạo ra những lợi thế to lớn cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội; phân bố dân số đã hợp lý hơn; chất lượng dân số, chỉ số phát triển con người (HDI) của nước ta không ngừng tăng lên; tuổi thọ bình quân người Việt Nam ngày càng được nâng cao.

Kết quả nêu trên là tiền đề quan trọng để chuyển chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

### **2.2. Khó khăn, tồn tại**

- Một số quy định của pháp luật về dân số không còn phù hợp với tình hình thực tiễn và chưa đáp ứng được yêu cầu về công tác dân số trong tình hình mới, như: Pháp lệnh Dân số chưa có các giải pháp cụ thể để duy trì mức sinh thay thế, thích ứng với già hóa dân số và nâng cao chất lượng dân số.

- Thực trạng dân số Việt Nam hiện nảy sinh những vấn đề cần phải kịp thời giải quyết như: Mức sinh trên toàn quốc đang có xu hướng giảm thấp dưới mức sinh thay thế; mất cân bằng giới tính khi sinh hiện vẫn ở mức cao so với ngưỡng cân bằng tự nhiên; chất lượng dân số chưa đáp ứng yêu cầu.

### **2.3. Nguyên nhân**

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ tính khó khăn, phức tạp, lâu dài của công tác dân số; công tác truyền thông, vận động nâng cao nhận thức còn nhiều hạn chế dẫn đến nhiều nơi vẫn chịu nhiều ảnh hưởng nặng nề bởi các định kiến giới.

- Pháp lệnh Dân số được ban hành từ năm 2003 nhiều vấn đề mới chưa được quy định còn khoảng trống, thực hiện chưa nghiêm, thể chế hóa chưa đầy đủ.

- Nguồn lực thực hiện công tác dân số chưa đáp ứng yêu cầu, ngân sách đầu tư chưa tương xứng.

- Tình trạng sinh con muộn, sinh ít hoặc không sinh con cùng với sức ép về kinh tế trong việc sinh, nuôi dạy con cũng là nguyên nhân làm ảnh hưởng tới mức sinh.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT DÂN SỐ**

### **1. Mục đích ban hành Luật**

Tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, góp phần thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về công tác dân số; có các biện pháp

giải quyết các vấn đề dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững; khắc phục các hạn chế, tồn tại; đáp ứng yêu cầu công tác dân số trong tình hình mới.

## **2. Quan điểm xây dựng**

*Một là*, thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về công tác dân số trong tình hình mới, trực tiếp là Nghị quyết số 21-NQ/TW, đặc biệt là quan điểm chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển.

*Hai là*, bảo đảm các quy định phù hợp với Hiến pháp, thống nhất, đồng bộ với pháp luật hiện hành, phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*Ba là*, bảo đảm thực hiện các quyền con người, quyền cơ bản của công dân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực dân số và phát triển; bảo đảm bình đẳng giới.

*Bốn là*, bảo đảm nguyên tắc Nhà nước thống nhất quản lý công tác dân số; cân bằng, hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ của cá nhân, gia đình với lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia.

*Năm là*, kế thừa một số quy định còn phù hợp của Pháp lệnh Dân số về quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, chất lượng dân số.

*Sáu là*, khắc phục các hạn chế, bất cập; xây dựng các quy định phù hợp với xu thế của thời đại; tham khảo kinh nghiệm quốc tế trong xử lý các vấn đề dân số và phát triển; bảo đảm tính khả thi, phù hợp với các giá trị văn hóa dân tộc và con người Việt Nam.

## **PHẦN II. GIỚI THIỆU VĂN BẢN**

### **I. Bộ cục**

Luật Dân số bao gồm 8 chương và 30 điều, quy định về truyền thông, giáo dục về dân số; duy trì mức sinh thay thế, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; thích ứng với già hóa dân số; nâng cao chất lượng dân số; điều kiện bảo đảm thực hiện công tác dân số, cụ thể như sau:

#### **Chương I. Những quy định chung**

Gồm 7 điều (từ Điều 1 đến Điều 7), quy định về: Phạm vi điều chỉnh; Giải thích từ ngữ; Nguyên tắc thực hiện công tác dân số; Lồng ghép yếu tố dân số vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; Ngày Dân số Việt Nam, Tháng hành động quốc gia về dân số; Các hành vi bị nghiêm cấm; Chính sách của Nhà nước về dân số.

#### **Chương II. Truyền thông, vận động, giáo dục về dân số**

Gồm 4 điều (từ Điều 8 đến Điều 11), quy định về: Mục đích, yêu cầu trong truyền thông, vận động, giáo dục về dân số; Nội dung truyền thông, vận động, giáo dục về dân số; Đối tượng và trách nhiệm truyền thông, vận động, giáo dục về dân số; Hình thức truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.

### **Chương III. Duy trì mức sinh thay thế và giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh**

Gồm 4 điều (từ Điều 12 đến Điều 15), quy định về: Điều chỉnh quy mô, cơ cấu dân số; Quyền và nghĩa vụ của mỗi cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con, chăm sóc sức khỏe sinh sản; Duy trì mức sinh thay thế; Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

### **Chương IV. Thích ứng với già hóa dân số**

Gồm 4 điều (từ Điều 16 đến Điều 19), quy định về: Biện pháp thích ứng với già hóa dân số; Chủ động chuẩn bị cho tuổi già; Chăm sóc người cao tuổi; (4) Phát triển nguồn nhân lực chăm sóc người cao tuổi.

### **Chương V. Nâng cao chất lượng dân số**

Gồm 3 điều (từ Điều 20 đến Điều 22), quy định về: Tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; Sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Chăm sóc sức khỏe sinh sản.

### **Chương VI. Điều kiện bảo đảm thực hiện công tác dân số**

Gồm 4 điều (từ Điều 23 đến Điều 26), quy định về: Nguồn tài chính cho công tác dân số; Ngân sách nhà nước chi cho công tác dân số; Xây dựng, phát triển nhân lực làm công tác dân số; Hợp tác quốc tế về công tác dân số.

### **Chương VII. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân về công tác dân số**

Gồm 2 điều (Điều 27, Điều 28), quy định về: Quản lý nhà nước về dân số; Trách nhiệm của tổ chức kinh tế và tổ chức khác, gia đình, cá nhân về công tác dân số.

### **Chương VIII. Điều khoản thi hành**

Gồm 2 điều (Điều 29, Điều 30) quy định về: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến công tác dân số; Hiệu lực thi hành.

## **II. Những nội dung chính cơ bản của Luật Dân số**

Luật Dân số có một trong những thay đổi căn bản đó là chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Những nội dung liên quan đến dân số và phát triển đã được thể hiện trong việc hướng tới giải quyết đồng bộ các vấn đề về quy mô dân số, cơ cấu dân số, thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội của cả đất nước và từng địa phương góp phần đảm bảo bền vững cho sự phát triển của đất nước. Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dân số và phát triển có mối quan hệ hữu cơ, chặt chẽ, vừa là mục tiêu vừa là động lực của nhau. Dân số là trung tâm, mục tiêu và động lực của phát triển, phát triển kinh tế - xã hội tạo điều kiện nâng cao chất lượng dân số và yếu tố dân số được lồng ghép vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các cấp.

Kế thừa các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh Dân số số 06/2003/PL-UBTVQH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 07/2025/UBTVQH15 (sau đây gọi là Pháp lệnh Dân số), tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật quốc tế của một số quốc gia trên thế giới để xây dựng quy định mới phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

Luật Dân số được xây dựng, hoàn thiện theo hướng kế thừa những nội dung còn phù hợp của Pháp lệnh Dân số, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong công tác dân số. Đồng thời, Bộ Y tế đã nghiên cứu xây dựng các điều quy định về: truyền thông, vận động, giáo dục về dân số; điều chỉnh quy mô dân số, cơ cấu dân số, thích ứng với già hóa dân số; nâng cao chất lượng dân số; điều kiện đảm bảo thực hiện công tác dân số. Các nội dung sửa đổi, hoàn thiện và nội dung mới so với quy định của Pháp lệnh Dân số: Chính sách của nhà nước về dân số là những quy định mang tính nguyên tắc, định hướng chung, thể hiện các nhóm chính sách tổng thể, vĩ mô của công tác dân số, bám sát đường lối, chủ trương của Đảng. Bên cạnh đó có các quy định về duy trì mức sinh thay thế, thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số tiếp cận theo vòng đời, bảo đảm các biện pháp dài hạn, căn cơ, khả thi trên cơ sở đánh giá thực tiễn, chọn lọc kinh nghiệm quốc tế. So với Pháp lệnh Dân số, Luật Dân số quy định cụ thể hơn các chính sách, biện pháp về nâng cao chất lượng dân số, truyền thông, vận động, giáo dục về dân số, nội dung cụ thể như sau:

### **1. Vợ chồng được quyết định thời gian sinh con, số con**

Theo Điều 13, Luật Dân số năm 2025, quy định về Quyền và nghĩa vụ của mỗi cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con, chăm sóc sức khỏe sinh sản, cụ thể:

- Quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, thu nhập và nuôi dạy con của mỗi cá nhân, cặp vợ chồng trên cơ sở bình đẳng.

- Bảo vệ sức khỏe, thực hiện các biện pháp phòng ngừa bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS và thực hiện các biện pháp khác liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Như vậy, thay vì khuyến khích mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chỉ có từ 1 đến 2 con như quy định cũ, Luật mới trao quyền tự quyết về thời điểm, số lượng và khoảng cách sinh. Quyết định này dựa trên điều kiện sức khỏe, thu nhập và hoàn cảnh cụ thể của mỗi gia đình. Đây là giải pháp cấp thiết nhằm góp phần ứng phó tình trạng mức sinh giảm thấp và chênh lệch mức sinh giữa các vùng miền.

### **2. Tăng thời gian nghỉ thai sản**

Theo khoản 1 Điều 14 Luật Dân số năm 2025, quy định về các biện pháp để duy trì mức sinh thay thế: Trường hợp sinh con thứ hai, thời gian nghỉ thai sản đối với lao động nữ là 07 tháng; lao động nam là 10 ngày làm việc khi vợ sinh con.

Bên cạnh đó, theo khoản 1 Điều 29 Luật Dân số 2025 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Lao động số 49/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 71/2025/QH15, quy định về chế độ nghỉ thai sản như sau:

- Lao động nữ được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con là 06 tháng; trường hợp sinh con thứ hai, lao động nữ được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con là 07 tháng; thời gian nghỉ trước khi sinh không quá 02 tháng.

- Trường hợp lao động nữ sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ hai trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng.

Theo khoản 2 Điều 29 Luật Dân số năm 2025 sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 53 của Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 73/2025/QH15 và Luật số 84/2025/QH15, quy định về việc lao động nam khi vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản với thời gian như sau: Trường hợp vợ sinh đôi hoặc vợ sinh con thứ hai thì được nghỉ 10 ngày làm việc. Trường hợp sinh ba trở lên thì được nghỉ thêm 03 ngày làm việc cho mỗi con tính từ con thứ ba trở đi.

Như vậy, khi Luật Dân số năm 2025 có hiệu lực, phụ nữ sinh con thứ hai được nghỉ thai sản 7 tháng (tăng một tháng so với quy định hiện hành) và người chồng được nghỉ 10 ngày để cùng chăm sóc gia đình.

### **3. Người có từ 02 con đẻ trở lên được ưu tiên mua, thuê mua hoặc thuê nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở**

Theo khoản 1 Điều 14 Luật Dân số 2025, quy định:

- Hỗ trợ tài chính khi sinh con đôi với phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi;
- Ưu tiên mua, thuê mua hoặc thuê nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở đối với người có từ 02 con đẻ trở lên;

Như vậy, theo Luật mới, Nhà nước sẽ hỗ trợ tài chính cho phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi. Đặc biệt, người có từ 02 con đẻ trở lên thuộc trường hợp được ưu tiên theo quy định của pháp luật về nhà ở, chính sách này giúp các cặp vợ chồng sớm an cư, giảm gánh nặng kinh tế để tập trung nuôi dạy con cái.

### **4. Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh và đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên**

Theo Điều 15 Luật Dân số năm 2025, quy định về việc giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh như sau:

- Khuyến khích đưa nội dung không trọng nam hơn nữ, không lựa chọn giới tính khi sinh vào hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.
- Đình chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người có hành vi thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi để phá thai và việc đình chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh này thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.
- Định kỳ hằng năm cơ quan thống kê trung ương công bố tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh để Chính phủ, chính quyền địa phương cấp tỉnh xây dựng, thực hiện biện pháp can thiệp phù hợp.

Như vậy, để giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính, Luật nghiêm cấm các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức. Theo đó, người có hành vi thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi để phá thai sẽ bị đình chỉ khám chữa bệnh; định kỳ hằng năm cơ quan thống kê trung ương công bố tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh để Chính phủ, chính quyền địa phương cấp tỉnh xây dựng, thực hiện biện pháp can thiệp phù hợp.

### **5. Thích ứng với già hóa dân số**

Tại Điều 17, Điều 18 Luật Dân số năm 2025 đã quy định về các hoạt động chủ động chuẩn bị cho tuổi già như: chuẩn bị về sức khỏe, tài chính, tâm lý; tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; tham gia học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng để duy trì sức khỏe thể chất, tinh thần và chức năng xã hội; cũng như tham gia các hoạt động hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi. Quy định chăm sóc người cao tuổi, phát triển đa dạng các hình thức chăm sóc người cao tuổi như tự chăm sóc, chăm sóc tại nhà và cộng đồng; quy định phát triển nguồn nhân lực chăm sóc người cao tuổi trên cơ sở phân tách nhóm chăm sóc chính thức và nhóm chăm sóc không chính thức, từ đó có cơ chế hỗ trợ, đào tạo kỹ năng chăm sóc người cao tuổi phù hợp với từng nhóm đối tượng.

### **6. Nâng cao chất lượng dân số**

Theo Điều 20, Điều 21 Luật Dân số năm 2025, quy định về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh: Khuyến khích nam, nữ chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; khuyến khích khám sàng lọc bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh cho phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh theo danh mục bệnh cần sàng lọc.

Đồng thời, quy định cụ thể về chăm sóc sức khỏe sinh sản (Điều 22): cá nhân, cặp vợ chồng được quyền tiếp cận đầy đủ, bình đẳng và không bị phân biệt đối xử trong tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; tự đưa ra quyết định liên quan đến sức khỏe sinh sản trên cơ sở hiểu biết, tự nguyện và tôn trọng quyền, lợi ích của cá nhân. Dự phòng vô sinh thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng bệnh, pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; điều trị vô sinh thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng bệnh, pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và pháp luật về bảo hiểm y tế.

7. Bên cạnh đó, Luật Dân số năm 2025 được xây dựng theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền; quy định trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh trong việc quyết định một số biện pháp một cách chủ động, linh hoạt để thực hiện các chính sách, biện pháp duy trì mức sinh thay thế, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh và đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên trên cơ sở tình hình, động thái dân số. Chủ động trong lập kế hoạch ngân sách, thời điểm áp dụng biện pháp để thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

## **III. Dự báo tác động chính sách**

### **1. Tác động đối với người dân**

Luật Dân số tạo điều kiện để người dân được tiếp cận đầy đủ, bình đẳng các dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, chăm sóc người cao tuổi. Các chính sách hỗ trợ duy trì mức sinh thay thế góp phần giảm áp lực kinh tế cho các cặp vợ chồng khi sinh và nuôi con; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cá nhân, gia đình trong việc không lựa chọn giới tính thai nhi, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe toàn diện.

## **2. Tác động đối với xã hội**

Luật Dân số góp phần ổn định quy mô dân số, điều chỉnh cơ cấu dân số hợp lý, từng bước đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; chủ động thích ứng với già hóa dân số, giảm áp lực an sinh xã hội trong dài hạn. Việc nâng cao chất lượng dân số sẽ tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

## **3. Những vấn đề người dân cần lưu ý**

Thực hiện nghiêm các quy định về cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức; chủ động tiếp cận các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh; chuẩn bị sớm cho tuổi già về sức khỏe, tài chính, tinh thần; tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm của cá nhân, gia đình trong công tác dân số theo quy định của pháp luật.

## **PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Luật Dân số số 113/2025/QH15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026. Để bảo đảm các quy định Luật được triển khai hiệu quả, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 20/01/2026 về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dân số. Theo đó, yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Dân số bằng các hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế, tổ chức thực hiện các chuyên mục, chương trình tin, bài phổ biến Luật Dân số và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật này đến cán bộ, công chức, viên chức cũng như người dân để đưa các quy định của Luật thực sự đi vào cuộc sống. Tại Điện Biên, việc triển khai Luật cần được thực hiện đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, gắn với đặc thù tỉnh miền núi, biên giới, nhiều dân tộc với nhiều giải pháp./.